

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 1985

PHÁP LỆNH

TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ

Căn cứ vào Điều 100, Điều 127 và các Điều từ 138 đến 141 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức các Viện kiểm sát quân sự.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Các Viện kiểm sát quân sự là những cơ quan kiểm sát việc tuân theo pháp luật thuộc hệ thống Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được tổ chức trong Quân đội nhân dân.

Trong phạm vi chức năng của mình, các viện kiểm sát quân sự có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật của quân đội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và của các công dân khác.

Mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, sức chiến đấu của quân đội và quyền lợi chính đáng của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và của các công dân khác đều phải được xử lý theo pháp luật.

Điều 2

Các Viện kiểm sát quân sự gồm có:

- Viện kiểm sát quân sự trung ương;

- Các Viện kiểm sát quân sự Quân khu, quân chủng, Tổng cục và cấp tương đương;
- Các Viện kiểm sát quân sự Quân đoàn, tỉnh và khu vực.

Viện kiểm sát quân sự Quân chủng, Tổng cục và Viện kiểm sát quân sự tỉnh, khu vực chỉ thành lập ở những nơi xét thấy cần thiết, do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Điều 3

Viện kiểm sát quân sự trung ương thuộc cơ cấu Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan quản lý quân sự, các đơn vị và tổ chức khác của quân đội; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, dân quân tự vệ phối thuộc chiến đấu với quân đội và những người khác được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Các Viện kiểm sát quân sự cấp dưới kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm của mình.

ở những nơi, do điều kiện đặc biệt, không có Viện kiểm sát nhân dân hoạt động thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể giao cho Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với mọi công dân.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp và qua Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương lãnh đạo công tác của các Viện kiểm sát quân sự.

Điều 4

Các Viện kiểm sát quân sự, trong phạm vi quyền hạn của mình, kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố bằng những công tác dưới đây:

- 1- Kiểm sát chung việc tuân theo pháp luật trong Quân đội nhân dân;
- 2- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của các cơ quan điều tra đối với các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự;
- 3- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử của các Tòa án quân sự;
- 4- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc chấp hành các bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự;

- 5- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, đơn vị trong quân đội có trách nhiệm trong việc giam, giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội và phạt giam kỷ luật quân nhân;
- 6- Điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát quân sự.

Điều 5

Trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình, các Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm phối hợp với người chỉ huy và các cơ quan chính trị, cơ quan điều tra, Toà án quân sự, cơ quan thanh tra quân đội, viện kiểm sát nhân dân địa phương, với các tổ chức xã hội và các tập thể quân nhân, dựa vào sự giúp đỡ của các quân nhân và các công dân khác, tích cực đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm pháp luật và kỷ luật của quân đội.

Viện kiểm sát quân sự phối hợp với các cơ quan nói trên trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, thống kê, nghiên cứu các tội phạm và các vi phạm pháp luật.

Điều 6

1- Các đơn vị đóng quân ở địa phương nào thì chịu sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát quân sự tại địa phương đó, trừ các đơn vị có Viện kiểm sát quân sự.

2- Người chỉ huy và cơ quan chỉ huy các cấp phải kịp thời thông báo về các tội phạm và các vi phạm pháp luật xảy ra ở đơn vị mình cho Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự; trong trường hợp cần thiết thì kịp thời thông báo cho Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự gần nhất, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát quân sự cấp mình.

Điều 7

1- Các Viện kiểm sát quân sự tổ chức và hoạt động theo chế độ tập trung, thống nhất.

Viện kiểm sát quân sự do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên. Khi thực hành chức năng của mình, các Viện kiểm sát quân sự chỉ căn cứ vào pháp luật và sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, không phụ thuộc vào người chỉ huy và cơ quan chỉ huy quân sự.

Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quân đội.

2- Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương do Hội đồng Nhà nước cử và bãi miễn, theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ

trưởng Bộ quốc phòng.

3- Các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm và bãi miễn trong số kiểm sát viên quân sự cao cấp, theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp dưới do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm và bãi miễn, theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

CHƯƠNG II

CÁC MẶT CÔNG TÁC CỦA VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ

MỤC 1

CÔNG TÁC KIỂM SÁT CHUNG

Điều 8

Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, các viện kiểm sát quân sự kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các văn bản và biện pháp của các cơ quan quản lý quân sự; các đơn vị và tổ chức khác của quân đội; kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hành vi của quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, dân quân, tự vệ phối thuộc chiến đấu với quân đội và những người khác được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do quân đội trực tiếp quản lý, nhằm bảo đảm các văn bản, biện pháp và hành vi đó phù hợp với Hiến pháp, luật, pháp lệnh, các nghị quyết của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, các văn bản pháp luật khác, với điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy tắc được ban hành trong quân đội.

Điều 9

Khi thực hiện công tác kiểm sát chung, trong phạm vi trách nhiệm của mình, các Viện kiểm sát quân sự có quyền:

1- Yêu cầu các cơ quan quản lý quân sự, các cấp chỉ huy, các đơn vị cùng cấp và cấp dưới, các đơn vị thuộc cấp trên đóng tại địa phương và các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, khi những cơ quan và tổ chức xã hội ấy có liên quan tới việc vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của quân đội:

- a) Cung cấp cho Viện kiểm sát quân sự các văn bản, tài liệu cần thiết cho việc xác định việc vi phạm pháp luật;
- b) Thông báo cho Viện kiểm sát quân sự biết các hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của quân đội, của tập thể và quyền lợi chính đáng của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và công dân khác đã xảy ra trong cơ quan, đơn vị mình và kết quả việc xử lý các hành vi đó;
- c) Kiểm tra việc vi phạm pháp luật của đơn vị cấp dưới trực thuộc và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát quân sự biết;
- d) Cử chuyên viên để làm rõ những vấn đề cần thiết thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

2- Yêu cầu cơ quan thanh tra quân đội cùng cấp thanh tra việc vi phạm pháp luật và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát quân sự biết.

3- Yêu cầu các quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và các công dân khác trả lời về việc vi phạm pháp luật có liên quan đến họ.

4- Kiểm sát tại chỗ việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, đơn vị nói ở điểm 1 Điều này trong việc áp dụng các biện pháp quản lý và xử lý hành chính, giải quyết các khiếu nại và tố cáo của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và công dân khác, khi thấy có vi phạm pháp luật; triệu tập hoặc tham dự các cuộc họp bàn các biện pháp giải quyết, phòng ngừa những việc vi phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị đó khi thấy cần thiết.

5- Kiến nghị hoặc kháng nghị với các cơ quan, đơn vị và các cấp chỉ huy nói ở điểm 1 Điều này, yêu cầu sửa đổi, bãi bỏ hoặc đình chỉ thi hành các văn bản, biện pháp hoặc việc vi phạm pháp luật, xử lý người chịu trách nhiệm về những việc làm đó. Trong trường hợp cần thiết thì khởi tố về hình sự hoặc áp dụng các biện pháp thích đáng để bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại do việc vi phạm pháp luật gây ra.

Điều 10

Đối với các yêu cầu nói ở các điểm 1, 2, 3 Điều 9, cơ quan quân sự, cấp chỉ huy và các cán bộ khác, các đơn vị thuộc cấp trên đóng tại địa phương và các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội hoặc người hữu quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh trong thời hạn chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp đặc biệt cần có thời hạn dài hơn thì phải được sự đồng ý của Viện kiểm sát quân sự.